TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM TÂN** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do –Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2022/HS-ST
Ngày: 07-12-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM TÂN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang**;**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hữu Ái và bà Trần Thị Ngọ;

Thư ký phiên tòa*:* Ông Nguyễn Thành Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân;

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa*:* Ông Lê Phi Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2022 tại Hội trường xét xử TAND huyện Hàm Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 65/2022/TLST-HS ngày 28/10/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2022/QĐXXST-HS ngày 21/11/2022 đối với bị cáo:

NGUYỄN VĂN L, *(Tên gọi khác: Không)*, sinh năm 1962 tại tỉnh B;

HKTT: Khu phố X2, thị trấn C, huyện B, tỉnh B1.

Chỗ ở: ấp X, xã B2, huyện L1, tỉnh Đ.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 03/12; Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Nguyễn Văn Đ1 (Chết) và bà Nguyễn Thị T (Chết);

Bị cáo là con duy nhất trong gia đình;

Vợ: Lê Thị M (Đã ly hôn); Có 02 con, con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 1994

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 11/9/2022, hiện đang bị tạm giam tại Nhà Tạm giữ Công an huyện Hàm Tân. *Có mặt tại phiên tòa.*

***** *Người bị hại:* **Võ Đức G**, sinh năm 1974; Địa chỉ: 113/11/49/12 Khu phố B, phường T1, Quận M, Tp.H *(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

***** *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ **Đoàn Thanh T2**, sinh năm 1988; *(Vắng mặt)*

+ **Trần Thị Ph**, sinh năm 1989; *(Vắng mặt)*

Cùng địa chỉ: Khu phố B, thị trấn T3, huyện H, tỉnh B1.

+ Ông **Đỗ Thanh D**, sinh năm 1963 *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn T3, huyện H, tỉnh B1

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng năm 2013, ông Võ Đức G thông qua hợp đồng miệng thuê Nguyễn Văn L đến ở lại đất rẫy của ông Giả tại Khu phố B, thị trấn T3, huyện H, tỉnh B1 để trông coi đất, chăn nuôi dê, heo cho ông G với mức lương mỗi tháng 3.000.000đ.

Khoảng 16 giờ ngày 23/4/2015, L đến nhà ông Trần Văn H để uống nước thì gặp con rể ông H là Đoàn Thanh T2, sinh năm 1988. Do có ý định chiếm đoạt dê của ông G nên L hỏi T2 có mua dê không, T2 hỏi lý do bán dê thì L nói do ông G sắp đuổi mình và không trả tiền lương nên muốn bán dê để trả nợ nhưng thực tế ông G không nợ tiền lương của L. L nói bán 03 con dê với giá 2.500.000đ. T2 nghĩ rằng dê của L nên đồng ý mua và hẹn chiều tối sẽ vào rẫy bắt dê. Khoảng 18 giờ cùng ngày, T2 nhờ Đỗ Thanh D chạy xe lôi còn T2 chở vợ là Trần Thị P đến rẫy ông G. Khi vào đến nơi thì L nói bán thêm 01 con dê nữa, tổng cộng là 04 con với giá 4.500.000đ thì T2 đồng ý mua. Trong chuồng có 07 con dê, L và T2 bắt 04 con dê gồm 01 con dê đực và 03 con dê cái bỏ vào bao rồi mang ra xe lôi cho D chở về phía sau nhà T2 thả vào vườn. T2 nói L sáng mai ra nhà T2 tính tiền rồi đi về nhà. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, ông Đặng Xuân H là bạn của ông G nghe tin L bán dê của ông G nên vào kiểm tra, phát hiện mất dê nên trình báo Công an thị trấn T3, đồng thời báo cho ông G biết. Ngày 24/4/2015, Công an thị trấn T3 đã đến nhà ông T2 thu giữ 04 con dê.

Sau khi làm việc với Công an thị trấn T3, Nguyễn Văn L đã thừa nhận hành vi bán dê thuộc quyền sở hữu của ông G. Sau đó, do sợ bị bắt nên Nguyễn Văn L đã bỏ trốn, đến ngày 11/9/2022 thì bị bắt theo Quyết định truy nã. Trong quá trình điều tra, Nguyễn Văn L đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 27/KL-HĐĐGTS ngày 21/5/2015 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng Hình sự huyện Hàm Tân kết luận giá trị của 04 con dê gồm 01 con dê đực và 03 con dê cái vào thời điểm bị mất ngày 23/4/2015 là 12.600.000đ.

Vật chứng của vụ án: 04 con dê gồm 01 con dê đực và 03 con dê cái, đã được Cơ quan CSĐT Công an huyện H trả lại cho chủ sở hữu là ông Võ Đức G.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Võ Đức G đã nhận lại tài sản, hiện không có yêu cầu gì về phần dân sự.

Cáo trạng số 70/CT-VKS-HT ngày 28/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn L về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân đã truy tố và thống nhất với các điều khoản mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân đã viện dẫn trong Cáo trạng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân giữ quyền công tố luận tội và tranh luận đã phân tích hành vi phạm tội của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" như nội dung Cáo trạng, đồng thời xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ khi quyết định mức hình phạt đối với bị cáo. Đề nghị: Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 140 bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù.

* Ý kiến của bị cáo: Bị cáo đồng ý với nội dung và tội danh mà Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân đã truy tố, tuy nhiên xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hàm Tân, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến, hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai và các tài liệu chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra vụ án, đã có đủ cơ sở xác định:

Từ năm 2013, bị cáo được ông G thuê trông coi rẫy và chăn nuôi dê tại Khu phố B, thị trấn T3, huyện H, tỉnh B1. Ngày 23/4/2015, lợi dụng lòng tin của ông G, bị cáo đã mang 04 con dê của ông G đi bán cho Đoàn Thanh T2 để lấy tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân. Giá trị của 04 con dê vào thời điểm bị mất được xác định là 12.600.000đ

Tại các biên bản ghi lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan; biên bản hỏi cung; lời khai bị cáo, bị hại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa đều thống nhất hành vi của bị cáo đúng như Cáo trạng đã nêu.

Bị cáo là người làm công cho ông G, được ông G giao cho quản lý trông coi rẫy và chăn nuôi dê, tuy nhiên, lợi dụng lòng tin của ông G, bị cáo đã mang dê đi bán để lấy tiền tiêu xài cá nhân, hành vi của bị cáo xâm phạm khách thể

được Luật Hình sự bảo vệ là quyền sở hữu tài sản của công dân. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức hành vi lợi dụng lòng tin của chủ sở hữu để chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Như vậy, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Căn cứ điểm h, khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 về áp dụng nguyên tắc có lợi cho người phạm tội, thấy rằng: Tại khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 có khung hình phạt từ 03 tháng đến 03 năm tù còn khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 có khung hình phạt từ 06 tháng đến 03 năm. Như vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 để truy tố bị cáo. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân truy tố bị cáo về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ và đúng pháp luật

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã bỏ trốn khỏi địa phương, đến năm 2022 bị bắt theo lệnh truy nã. Vì vậy cần phải dành cho bị cáo mức án thật nghiêm khắc, tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện để răn đe đối với bị cáo cũng như phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Võ Đức G đã nhận lại được tài sản, hiện nay không có yêu cầu gì về phần dân sự nên không xem xét.

[5] Về tình tiết tăng nặng: Không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Đối với việc anh Đoàn Thanh T2 mua dê của bị cáo, quá trình điều tra không xác định được anh T2 có biết nguồn gốc của số dê nêu trên là tài sản do bị cáo phạm tội mà có hay không nên không xem xét trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

[8] Về vật chứng vụ án: Đối 04 con dê, đây là tài sản thuộc sở hữu của bị hại nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009; Điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn L **06** (sáu) **tháng** tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 11/9/2022.

2. Án phí: Áp dụng: Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, báo cho bị cáo có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thùy Trang

*** Nơi nhận:**
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Tân
- Công an huyện Hàm Tân;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Bình Thuận;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Chi cục THADS Hàm Tân;
- UBND địa phương bị cáo cư trú.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**